

Số: /BC-BCĐ

Bình Định, ngày 15 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022

Kính gửi: Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm

Thực hiện Kế hoạch số 2078/KH-BCĐTƯATTP ngày 15/12/2021 của Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa Lễ hội Xuân 2022, Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về ATTP báo cáo kết quả triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 5253/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa Lễ hội Xuân năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

- Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về an toàn thực phẩm xây dựng, triển khai Kế hoạch số 11/KH-BCĐ ngày 29/12/2021 về việc kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa Lễ hội Xuân năm 2022.

- Sở Y tế ban hành Quyết định số 3675/QĐ-SYT ngày 31/12/2021 về việc kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022.

- Các Sở, ban, ngành, các hội, đoàn thể trong tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022.

- Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đã xây dựng Kế hoạch và tăng cường triển khai công tác kiểm tra về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 trên địa bàn quản lý.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ TRIỂN KHAI

1. Hoạt động truyền thông

Các đơn vị, địa phương đã tăng cường tổ chức các chiến dịch truyền thông về an toàn thực phẩm (ATTP) vào dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần bằng nhiều

hình thức, nội dung phong phú đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị và phối hợp tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng.

TT	Hoạt động	Số lượng/buổi	Số người tham dự
1	Họp cộng tác viên báo chí	0	0
2	Nói chuyện	50	3.394
3	Tập huấn	0	0
4	Hội thảo	0	0
5	Phát thanh: tỉnh	0	Toàn tỉnh
	Phát thanh: huyện	103	-
	Phát thanh: xã/phường	891	-
	Phát thanh: thôn/ bản		-
6	Truyền hình: tỉnh	10	Toàn tỉnh
7	Báo viết: tỉnh	03	-
	Báo viết: huyện	01	-
	Bản tin: xã/phường	0	-
	Sản phẩm truyền thông:		Toàn tỉnh
	- Băng rôn, khẩu hiệu	126	Toàn tỉnh
	- Tranh áp - phích	146	Toàn tỉnh
8	- Tờ gấp	941	Toàn tỉnh
	- Băng, đĩa hình	02	Toàn tỉnh
	- Băng, đĩa âm	06	Toàn tỉnh
	- Khác	01	Toàn tỉnh
9	Hoạt động khác: hội thi, hội thao tuyên truyền ATTP ...	0	

2. Hoạt động kiểm tra

a) Tổng số đoàn kiểm tra được thành lập: 141 đoàn (133 đoàn liên ngành và 08 đoàn chuyên ngành). Trong đó:

- Số đoàn kiểm tra tuyến tỉnh: 03 đoàn.

- Số đoàn kiểm tra tuyến huyện: 12 đoàn (trong đó thị xã Hoài Nhơn tổ chức 02 đoàn).

- Số đoàn kiểm tra tuyến xã: 126 đoàn (trong đó: Quy Nhơn 00, Tuy Phước 13, An Nhơn 08, An Lão 10, Hoài Ân 15, Hoài Nhơn 17, Phù Mỹ 14, Phù Cát 18, Tây Sơn 15, Vân Canh 07, Vĩnh Thạnh 09).

b) *Kết quả kiểm tra, tình hình vi phạm và xử lý vi phạm của cơ sở*: Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

c) *Các nội dung vi phạm chủ yếu và kết quả kiểm nghiệm mẫu*: Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo.

III. TÌNH HÌNH NGỘ ĐỘC TRONG DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN NHÂM DẦN 2022 (TỪ NGÀY 25/01/2022 ĐẾN NGÀY 15/02/2022)

TT	Chỉ số	Năm 2022 (Từ 25/01/2022 đến 15/02/2022)	Số cùng kỳ năm 2021	So sánh
1	Số vụ (vụ)	0	0	Không đổi
2	Số mắc (ca)	0	2	Giảm 100%
3	Số chết (người)	0	0	Không đổi
4	Số đi viện (ca)	0	2	Giảm 100%
5	Nguyên nhân (cụ thể)	-	Thực phẩm bị ôi thiu biến chất	-

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác truyền thông về bảo đảm ATTP trong dịp Tết Nguyên Đán Nhâm Dần 2022 được thực hiện thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm phổ biến các quy định của pháp luật về ATTP cũng như kiến thức trong việc sản xuất, kinh doanh, sử dụng thực phẩm và phụ gia thực phẩm an toàn nhằm góp phần giảm thiểu ngộ độc thực phẩm; phòng ngừa ngộ độc thực phẩm. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo quy định của Bộ Y tế.

- Công tác kiểm tra cho thấy đa số các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đảm bảo các điều kiện ATTP theo quy định (1.553 cơ sở đạt/1.560 cơ sở được kiểm tra, chiếm 99,5%) như: Thường xuyên vệ sinh cơ sở; người lao động được khám sức khỏe định kỳ; chủ cơ sở tổ chức cho người lao động tập huấn kiến thức ATTP và được chủ cơ sở xác nhận; người trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm mang, mặc bảo hộ lao động đầy đủ và thực hành ATTP đúng theo quy định; sử dụng nguồn nước đảm bảo ATTP; đã thực hiện việc công bố sản phẩm và duy trì kiểm nghiệm sản phẩm định kỳ đối với các sản phẩm thuộc diện tự công bố sản phẩm; ghi nhãn sản phẩm đúng theo hồ sơ đã công bố; khu vực sản xuất, chế biến thực phẩm được sắp xếp và bố trí quy trình sản xuất theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm thành phẩm cuối cùng; nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm sử dụng trong sản xuất chế biến thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng.

Các đoàn kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra nhanh một số chỉ tiêu hóa lý đối với một số sản phẩm tại cơ sở; kết quả thực hiện 47/47 test nhanh đều cho kết quả âm tính. Các chỉ tiêu test nhanh chủ yếu là hàn the, phẩm màu, foocmon.

Bên cạnh công tác bảo đảm ATTP, các cơ sở đã tổ chức thực hiện tốt công tác phòng chống dịch COVID-19 theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch COVID-19, Bộ Y tế như: Thực hiện 5K, quét mã QR-CODE để khai báo y tế đối với khách đến cơ sở.

2. Tồn tại

Bên cạnh các cơ sở chấp hành đúng quy định về ATTP vẫn còn các cơ sở chưa thực hiện đúng các quy định về ATTP (*07 cơ sở không đạt/1.560 cơ sở được kiểm tra, chiếm 0,50%*). Cụ thể: 01 cơ sở bị xử phạt với số tiền phạt là 6.000.000 đồng (*hành vi vi phạm: Khu vực chứa đựng, kho bảo quản không có giá, kệ, biển tên, nội quy, quy trình, chế độ vệ sinh*) và 06 cơ sở vi phạm nhưng không bị xử lý, chỉ nhắc nhở (*đây là các cơ sở nhỏ lẻ thuộc tuyến xã quản lý, không có đăng ký kinh doanh, địa chỉ không ổn định, mức nhu nhập thấp, sản xuất, kinh doanh theo mùa vụ, vì vậy khó áp dụng hình thức xử phạt tiền*).

Một số hành vi vi phạm của các cơ sở qua kiểm tra:

- Điều kiện vệ sinh cơ sở: 05 cơ sở.
- Điều kiện trang thiết bị dụng cụ: 01 cơ sở.
- Vi phạm khác: 01 cơ sở.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương

- Chỉ đạo các Bộ, ngành tổ chức các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ công tác quản lý ATTP.
- Tăng mức đầu tư và phân bổ kinh phí về địa phương kịp thời để phục vụ cho các hoạt động bảo đảm ATTP.

2. Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP các huyện, thị xã, thành phố

- Tăng cường công tác tuyên truyền về ATTP để các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thực hiện đúng theo Luật An toàn thực phẩm; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức ATTP trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Chỉ đạo Phòng Y tế phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác tuyên truyền về ATTP để các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thực hiện đúng theo Luật An toàn thực phẩm; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức về ATTP trên các phương tiện thông tin đại chúng; tăng cường công tác kiểm tra kịp thời phát hiện hành vi vi phạm về ATTP, yêu cầu thực hiện ngay các biện pháp khắc phục, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các cơ sở vi phạm trên địa bàn mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022, Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về ATTP kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục ATTP - Bộ Y tế;
- Ông Lâm Hải Giang,
Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh (để biết);
- Các Sở: Y tế, NN&PTNT, Công Thương, KH&CN;
- Công an tỉnh;
- Các thành viên BCD tỉnh (để biết);
- BCD các huyện, TX, TP (phối hợp);
- Chi cục ATVSTP;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, TTr, NVY.

(báo cáo)

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Nguyễn Văn Trung**

Phụ lục I. Kết quả kiểm tra, tình hình vi phạm và xử lý vi phạm của cơ sở

Bảng 1: Kết quả kiểm tra

Hoạt động	Tuyến xã				Tuyến huyện				Tuyến tỉnh				Tổng cộng			
	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng
Số cơ sở được thanh, kiểm tra	10	475	785	1.270	42	100	85	227	28	27	8	63	80	602	878	1.560
Số cơ sở đạt	10	475	785	1.270	40	98	83	221	27	27	8	62	77	600	876	1.553
Tỷ lệ đạt (%)	100	100	100	100	95,2	98	97,5	97,4	96,4	100	100	98,4	96,2	99,6	99,7	99,5

Bảng 2. Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm:

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ % so với cơ sở được kiểm tra	Số lượng	Tỷ lệ % so với cơ sở được kiểm tra	Số lượng	Tỷ lệ % so với cơ sở được kiểm tra	Số lượng	Tỷ lệ % so với cơ sở được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh, kiểm tra	1.270		227		63		1.560	
2	Số cơ sở có vi phạm	0	0	6	2,64	1	1,58	7	0,44
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý	0	0	0	0	1	1,58	1	0,06
Trong đó:									
3.1. Hình thức phạt chính:									
	Số cơ sở bị cảnh cáo	0	0	0	0				
	Số cơ sở bị phạt tiền	0	0	0	0	1	1,58	1	0,06
	Tổng số tiền phạt	0		0		6.000.000		6.000.000	
3.2. Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả									
*	Số cơ sở bị đóng cửa	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Số cơ sở khắc phục về nhãn	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số loại tài liệu quảng cáo có bị đình chỉ lưu hành	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Các xử lý khác	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý	0	0	0	0	0	0	0	0
3.4	Số cs có vi phạm nhưng không xử lý (<i>chỉ nhắc nhỏ</i>)	0	0	6	2,64	0	0	6	0,38

Phụ lục II. Các nội dung vi phạm chủ yếu và kết quả kiểm nghiệm mẫu

Bảng 1. Các nội dung vi phạm chủ yếu bị xử lý:

TT	Nội dung vi phạm	Tuyển xã			Tuyển huyện			Tuyển tỉnh			Tổng cộng		
		Số cs được kiểm tra	Số cs vi phạm	Tỷ lệ %	Số cs được kiểm tra	Số cs vi phạm	Tỷ lệ %	Số cs được kiểm tra	Số cs vi phạm	Tỷ lệ %	Số cs được kiểm tra	Số cs vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở	1.270	0	0	227	5	2,2	63	0	0	1.560	5	0,32
2	Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ	1.270	0	0	227	0	0	63	1	1,5	1.560	1	0,06
3	Điều kiện con người	1.270	0	0	227	0	0	63	0	0	1.560	0	0
4	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm	1.270	0	0	227	0	0	63	0	0	1.560	0	0
5	Ghi nhãn thực phẩm	1.270	0	0	227	0	0	63	0	0	1.560	0	0
6	Quảng cáo thực phẩm	1.270	0	0	227	0	0	63	0	0	1.560	0	0
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm	1.270	0	0	227	0	0	63	0	0	1.560	0	0
8	Vi phạm khác	1.270	0	0	227	1	0,4	63	0	0	1.560	1	0,06

Bảng 2. Kết quả kiểm nghiệm mẫu (Tuyển huyện và tỉnh):

TT	Loại xét nghiệm	Tuyển huyện			Tuyển tỉnh			Tổng cộng		
		Kết quả xét nghiệm mẫu						Tổng số mẫu kiểm nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
		Tổng số mẫu kiểm nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt	Tổng số mẫu kiểm nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt			
I	Xét nghiệm tại labo	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Kết quả xét nghiệm hóa lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Kết quả xét nghiệm vi sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng xét nghiệm tại labo	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Xét nghiệm nhanh	32	0	0	15	0	0	0	0	0
	Cộng	32	0	0	15	0	0	47	0	0

